

10. KINH SUBHA (TU-BÀ) (*Subha Sutta*)¹

Tụng phẩm I

444. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Đại đức Ānanda ở tại Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (rừng Kỳ-đà), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), sau khi đức Thế Tôn nhập diệt không bao lâu. Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta ở tại Sāvatti vì một vài công việc.

445. Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta gọi một thanh niên Bà-la-môn khác:

– Này thanh niên Bà-la-môn, hãy đi đến chỗ Sa-môn Ānanda ở, thay mặt ta hỏi thăm Sa-môn Ānanda có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không: “Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ānanda có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không”, và nói thêm: “Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xứ của thanh niên Subha Todeyyaputta!”

446. – Tôn giả, xin vâng.

Thanh niên Bà-la-môn vâng lời thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta đến tại chỗ của Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu xã giao với Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn ấy nói với Tôn giả Ānanda: “Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ānanda ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không. Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta!”

447. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với thanh niên Bà-la-môn ấy:

– Này thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uống thuốc. Ngày mai tôi sẽ đến, vừa hợp thời, hợp nghi.

Rồi thanh niên Bà-la-môn ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đến tại chỗ của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta; khi đến xong, liền thưa với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

¹ Xem *D. I.* 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; *M. I.* 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; *II.* 29, 157, 214; *III.* 1, 29; *S. IV.* 103, 110, 177; *A. I.* 113; *II.* 16, 39, 153, 205; *III.* 93, 161; *V.* 201, 347.

– Chúng tôi đã thay mặt Tôn giả thừa với Tôn giả Ānanda: “Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Đại đức Ānanda có ít bệnh, ít nã, khinh an, khí lực an ổn không. Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta!” Nay Tôn giả, khi được nghe nói vậy, Sa-môn Ānanda nói với tôi: “Này thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uống thuốc. Ngày mai tôi sẽ đến, vừa hợp thời, hợp nghi.” Nay Tôn giả, sự việc đã như vậy, khiến Tôn giả Ānanda có cơ hội ngày mai đến.

448. Và Tôn giả Ānanda, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, với vị Tỷ-kheo người xứ Cetiya làm vị Sa-môn tùy hành, đến tại chỗ ở của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta, và sau khi đến, liền ngồi tại chỗ đã soạn sẵn. Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đến trước Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta nói với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda đã lâu ngày là thị giả của Tôn giả Gotama, sống gần và ở bên Ngài. Tôn giả Ānanda chắc biết Tôn giả Gotama đã tán thán những pháp nào và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Tôn giả Ānanda, những pháp Tôn giả Gotama tán thán là những pháp gì và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy?

449. – Này thanh niên Bà-la-môn, Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Ba pháp ấy là gì? Chính là Thánh giới uẩn, Thánh định uẩn, Thánh tuệ uẩn. Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn ấy và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy.

450. – Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh giới uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy?

– Này thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.”

Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

451. Nay thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, nay thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật... (xem *Kinh Sa-môn quả*, đoạn 194-210).

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, cho lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng... (như trên). Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Như vậy, nay thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Nay thanh niên Bà-la-môn, như một vị Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch.

452. Cũng vậy, nay thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, nay thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

453. Nay thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh giới uẩn mà Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh giới uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh giới uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Tôn giả Ānanda, và nếu những Sa-môn, Bà-la-môn khác có thấy Thánh giới uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: “Hành trì như vậy là đầy đủ, chúng đạt như vậy

là đầy đủ. Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi, không có gì cao thượng hơn cần phải hành trì nữa.” Nhưng Tôn giả Ānanda còn nói: “Còn pháp uân cao thượng hơn cần phải hành trì.”

Tụng phẩm II

454. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh định uân mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy?

– Nay thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?

Nay thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Nay thanh niên Bà-la-môn, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, nay thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

455. Nay thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Nay thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, nay thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

456. Nay thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? Ở đây, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Nay thanh niên Bà-la-môn, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, nay thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như vậy, nay thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo biết đủ.

457. Vị ấy, với giới uân cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

458. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy

miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hồi tiếu, vị ấy sống không trạo cử hồi tiếu, nội tâm trầm lắng, gột rửa tâm hết trạo cử hồi tiếu. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

459. Nay thanh niên Bà-la-môn, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

460. Nay thanh niên Bà-la-môn, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

461. Nay thanh niên Bà-la-môn, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

462. Nay thanh niên Bà-la-môn, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại; nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

463. Nay thanh niên Bà-la-môn, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian, đã đi qua khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

464. Như vậy, nay thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc.

465. Nay thanh niên Bà-la-môn, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, nay thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

466. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

467. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này thanh niên Bà-la-môn, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướn, nhào trộn với nước ướn, thấm ướn cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

468. Này thanh niên Bà-la-môn, lại nữa, Tỷ-kheo ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

469. Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước,

từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tâm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

470. Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người ngồi dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

471. Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh định uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh định uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh định uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Tôn giả Ānanda, nếu những Sa-môn khác có thấy Thánh định uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: “Hành trì như vậy là đầy đủ, chứng đạt như vậy là đầy đủ. Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi, không còn gì cao thượng hơn cần phải hành trì nữa.” Nhưng Tôn giả Ānanda còn nói: “Còn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành trì.”

472. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh tuệ uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy?

– Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trôi buộc.”

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt,

khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uestrợc, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.”

Này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: “Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta nương tựa và bị trói buộc.” Đó là trí tuệ của vị ấy.

473. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: “Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra.” Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người lột xác một con rắn, người ấy nghĩ: “Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra”; cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, trong sáng, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Đó là trí tuệ của vị ấy.

474. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người thợ gốm khéo tay hay đệ tử

người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Đó là trí tuệ của vị ấy.

475. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiêng, người ấy nghĩ: “Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiêng.” Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần. Đó là trí tuệ của vị ấy.

476. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

“Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiên định biết là tâm thiên định, tâm không thiên định biết là tâm không thiên định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.”

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong

tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

“Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiên định biết là tâm thiên định, tâm không thiên định biết là tâm không thiên định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.” Đó là trí tuệ của vị ấy.

477. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây.” Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: “Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ làng kia ta đi đến làng nọ, tại đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta.” Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ

như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây.” Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đó là trí tuệ của vị ấy.

478. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: “Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này.” Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một tòa lâu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: “Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng.” Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: “Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này.” Như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Đó là trí tuệ của vị ấy.

479. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lưu tận trí. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật: “Đây là khổ diệt”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc.” Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.”

Này thanh niên Bà-la-môn, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: “Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ.”

Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lưu tận trí. Vị ấy tuệ tri như thật: “Đây là khổ”, tuệ tri như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, tuệ tri như thật: “Đây là sự diệt khổ”, tuệ tri như thật: “Đây là con đường đưa đến diệt khổ”, tuệ tri như thật: “Đây là những lậu hoặc”, tuệ tri như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, tuệ tri như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, tuệ tri như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc.” Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa.” Đó là trí tuệ của vị ấy.

480. Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh tuệ uẩn mà Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy, không còn pháp nào cao thượng hơn cần phải hành trì.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh tuệ uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh tuệ uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này, không còn pháp nào cao thượng hơn cần phải hành trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng

vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Ānanda dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Ānanda, con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp, và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Ānanda nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.



